

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
VĨNH SƠN – SÔNG HÌNH
VINH SON - SONG HINH
HYDROPOWER JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom- Happiness

Số/No.: 829 /VSH-TCKT

Gia Lai, ngày 19 tháng 8 năm 2026
Gia Lai, 19th August, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Respectfully to: The State Securities Commission;
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức : Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình
Organization name: Vinh Son - Song Hinh Hydropower Joint Stock Company
Mã chứng khoán/ *Stock code: VSH*
Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai
Address: 21 Nguyen Hue Street, Quy Nhon Ward, Gia Lai Province
Điện thoại /*Tel: (0256) 3892 792*
Fax : *(0256) 3891 975*
2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of information disclosure*
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (VSH) công bố thông tin:
Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm
2026 đã được soát xét.
Vinh Son - Song Hinh Hydropower Joint Stock Company (VSH) would like to disclose the following information: The separate and consolidated financial statements for the first six months of 2026 have been reviewed.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VSH vào
ngày 19 tháng 8 năm 2026 tại đường dẫn: <http://www.vshpc.evn.com.vn>
This information was published on the Company's website on 19th August, 2026, as the following link <http://www.vshpc.evn.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided is true and accurate,
and we accept full responsibility under the law.*

Tài liệu đính kèm/ Attached documents: Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2026/
Reviewed financial statements for the first six months of 2026

Nơi nhận/ Recipients

- Như trên/*As above;*
- Phụ trách Quản trị Công ty;
In charge of Company Admin
- Lưu: Văn thư, TCKT.
Archived by: The office, F&A Dept.

Đại diện tổ chức
Organization Representative
Người đại diện theo pháp luật
Legal Representative
TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



Nguyen Van Thanh

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 41

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong kỳ của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam và hai chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Kon Plông, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Tư vấn Kỹ thuật tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng ban	
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên	
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2026
Bà Vũ Thị Thanh Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Công Đàm	Phó Tổng Giám đốc	đến ngày 1 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ngày 17 tháng 8 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thanh



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11878879/70086127-LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 17 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại - Thuyết minh số 25)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.414.607.567.441	1.267.737.398.112
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	304.846.008.810	68.472.873.654
1. Tiền	111		34.629.510.180	3.710.983.243
2. Các khoản tương đương tiền	112		270.216.498.630	64.761.890.411
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		588.743.439.999	405.463.151.561
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5	588.743.439.999	405.463.151.561
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		395.520.019.630	691.620.806.140
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	390.187.659.724	672.397.394.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	12.359.411.754	28.101.051.742
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		2.081.192.418	230.603.964
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	7	(9.108.244.266)	(9.108.244.266)
IV. Hàng tồn kho	140	8	124.745.249.367	102.169.661.093
1. Hàng tồn kho	141		124.745.249.367	102.169.661.093
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		752.849.635	10.905.664
1. Thuế GTGT được khấu trừ	162	12	11.194.483	10.905.664
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	12	741.655.152	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.638.868.135.618	6.903.599.335.626
I. Tài sản cố định	220		6.621.890.075.508	6.885.942.847.049
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.621.890.075.508	6.885.942.847.049
Nguyên giá	222		12.328.714.926.927	12.298.520.418.627
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(5.706.824.851.419)	(5.412.577.571.578)
II. Tài sản dở dang dài hạn	250		4.621.144.902	4.621.144.902
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		4.621.144.902	4.621.144.902
III. Tài sản dài hạn khác	270		12.356.915.208	13.035.343.675
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		1.521.455.937	2.099.461.028
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	21.3	1.141.637.010	1.141.637.010
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	10	9.693.822.261	9.794.245.637
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		8.053.475.703.059	8.171.336.733.738

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại - Thuyết minh số 25)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.956.201.378.444	3.221.561.460.593
I. Nợ ngắn hạn	310		542.001.676.990	426.842.101.423
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	133.186.090.978	124.971.589.667
2. Phải trả cổ tức	313		141.695.950	141.681.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	12	115.180.503.709	145.688.135.977
4. Phải trả người lao động	315		8.222.397.658	34.535.822.346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		4.420.097.298	4.986.516.587
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	13	1.969.938.830	1.958.704.146
7. Vay ngắn hạn	321	14	273.237.715.077	111.911.228.853
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.643.237.490	2.648.422.147
II. Nợ dài hạn	330		2.414.199.701.454	2.794.719.359.170
1. Phải trả dài hạn khác	338	13	201.734.197.176	201.734.197.176
2. Vay dài hạn	339	14	2.212.465.504.278	2.592.985.161.994
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.097.274.324.615	4.949.775.273.145
1. Vốn cổ phần	411	15	2.362.412.460.000	2.362.412.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.362.412.460.000	2.362.412.460.000
2. Thặng dư vốn	412	15	6.271.968.038	6.271.968.038
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	15	356.373.490.000	356.373.490.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	15	27.661.280.000	27.661.280.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	2.344.555.126.577	2.197.056.075.107
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	420a		1.837.162.206.107	1.334.446.119.451
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		507.392.920.470	862.609.955.656
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.053.475.703.059	8.171.336.733.738

Phê duyệt, ngày 17 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT

Lê Thị Hải Yến

Phan Thị Thanh Thúy



Nguyễn Văn Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16.1	1.194.324.292.074	1.126.191.567.642
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	519.791.414.588	519.627.453.067
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		674.532.877.486	606.564.114.575
4. Doanh thu hoạt động tài chính	22	16.2	18.004.187.265	29.180.405.205
5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	23 24	18	97.027.849.755 96.778.595.259	109.165.798.092 106.531.438.711
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	24.897.756.408	33.062.134.336
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 26)}	30		570.611.458.588	493.516.587.352
8. Thu nhập khác	31		-	701.087.292
9. Chi phí khác	32		140.114.843	6.319.290.013
10. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(140.114.843)	(5.618.202.721)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		570.471.343.745	487.898.384.631
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21.1	63.078.423.275	52.950.595.415
13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		507.392.920.470	434.947.789.216
14. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		507.392.920.470	434.947.789.216
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15.5	2.148	1.818
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	15.5	2.148	1.818

Phê duyệt, ngày 17 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Lê Thị Hải Yến

Phan Thị Thanh Thủy



Nguyễn Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 25)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	01		570.471.343.745	487.898.384.631
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao	02	9	294.247.279.841	295.219.653.725
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		249.254.496	2.342.824.653
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(14.593.036.760)	(565.446.575)
- Chi phí đi vay	06	18	96.778.595.259	106.531.438.711
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		947.153.436.581	891.426.855.145
- Giảm, tăng các khoản phải thu	09		295.358.842.539	(162.138.274.518)
- Tăng hàng tồn kho	10		(22.475.164.898)	(5.080.693.876)
- Giảm các khoản phải trả	11		(46.432.233.973)	(500.964.028)
- Giảm chi phí chờ phân bổ	12		578.005.091	1.833.738.899
- Chi phí đi vay đã trả	14		(97.365.014.548)	(107.794.160.230)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	12	(64.782.180.134)	(39.559.867.299)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.670.621.429)	(4.248.780.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.009.365.069.229	573.937.853.393
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21		(30.500.401.657)	(23.429.152.809)
2. Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(573.500.000.000)	-
3. Tiền thu từ rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		394.346.000.000	39.000.000.000
4. Tiền thu từ lãi tiền gửi	27		10.466.748.322	1.638.000.000
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	30		(199.187.653.335)	17.208.847.191

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 25)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	14	(219.442.425.988)	(243.251.951.264)
2. Cổ tức đã trả	36	15.4	(354.361.854.750)	(236.221.467.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	40		(573.804.280.738)	(479.473.418.264)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		236.373.135.156	111.673.282.320
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		68.472.873.654	368.956.277.100
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	304.846.008.810	480.629.559.420

Phê duyệt, ngày 17 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lê Thị Hải Yến



Phan Thị Thanh Thúy



Nguyễn Văn Thanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21, đường Nguyễn Huệ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam, hai chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Kon Plông, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Tư vấn Kỹ thuật tại Số 21 đường Nguyễn Huệ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Hiện tại, Công ty đang vận hành 3 nhà máy thủy điện như sau:

- Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn có công suất 66 MW đặt tại Xã Vĩnh Sơn, Tỉnh Gia Lai.
- Nhà máy thủy điện Sông Hinh có công suất 70 MW đặt tại Xã Đức Bình, Tỉnh Đắk Lắk.
- Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum có công suất 220 MW đặt tại thôn Điek Tem, xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi (Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh).

Hoạt động chính trong kỳ của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 219 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 218).

Tính chất mùa vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Do đặc thù của hoạt động sản xuất và kinh doanh điện từ thủy điện, doanh thu bán điện của Nhóm Công ty chịu ảnh hưởng bởi nhu cầu huy động sản lượng điện theo điều độ của hệ thống điện quốc gia, mực nước và lưu lượng nước tại các hồ thủy điện, cũng như điều kiện thời tiết và thủy văn trong từng thời kỳ. Theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 có thể chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố mùa vụ và không phản ánh đầy đủ xu hướng hoạt động kinh doanh hợp nhất cho cả năm tài chính.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có một công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2025: một) là Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH và 2 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh và Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Tư vấn Kỹ thuật, trong đó:

- Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH ("Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100922968 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 100% vốn chủ sở hữu).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99") và Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 43").

3.1.1 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư 99

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 như được trình bày tại Thuyết minh số 25.

3.1.2 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư 43

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 43 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 43 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 43 và Chế độ kế toán Việt Nam không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho theo từng lần phát sinh. Giá trị được xác định như sau:

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Nhóm Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích lập dự phòng</u> <u>(% giá trị khoản phải thu)</u>
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Nhóm Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

TSCĐ hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích.

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được phân bổ dần hoặc vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay theo phương pháp đường thẳng.

3.10 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.13 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (sau đây gọi tắt là tỷ giá xấp xỉ). Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán của Nhóm Công ty.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Nhóm Công ty phát sinh thì Nhóm Công ty sử dụng một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng phải áp dụng nhất quán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Nhóm Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Nghị quyết Số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội Cổ đông Số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như là một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Thu nhập tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.22 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	(Trình bày lại - Thuyết minh số 25)	
Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	220.874.486	53.778.456
Tiền gửi ngân hàng	34.408.635.694	3.657.204.787
Các khoản tương đương tiền (*)	270.216.498.630	64.761.890.411
TỔNG CỘNG	304.846.008.810	68.472.873.654

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGÂN HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ (Trình bày lại - Thuyết minh số 25)			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	573.500.000.000	573.500.000.000	-	394.346.000.000	394.346.000.000	-	
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	
Lãi tiền gửi	12.243.439.999	12.243.439.999	-	8.117.151.561	8.117.151.561	-	
TỔNG CỘNG	588.743.439.999	588.743.439.999	-	405.463.151.561	405.463.151.561	-	

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngân hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ sáu (6) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,5% đến 8,5%/năm.

Bao gồm trong số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngân hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 17.000.000.000 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Nhóm Công ty theo hợp đồng cấp tín dụng liên quan đến việc phát hành Thư tín dụng số 01LC/2026 ngày 14 tháng 1 năm 2026 nhằm phục vụ việc nhập khẩu vật tư và thiết bị cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	389.952.927.910	671.929.459.981
Phải thu từ các khách hàng khác	234.731.814	467.934.719
TỔNG CỘNG	390.187.659.724	672.397.394.700

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hãm	4.725.312.781	4.725.312.781
Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức	2.187.669.600	-
Doanh nghiệp Tư nhân Văn Trường	1.891.000.000	1.891.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.422.920.070	1.422.920.070
Công ty TNHH Andritz Hydro Private	-	18.857.227.621
Các nhà cung cấp khác	2.132.509.303	1.204.591.270
TỔNG CỘNG	12.359.411.754	28.101.051.742
Dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(9.108.244.266)	(9.108.244.266)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.251.167.488	18.992.807.476

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	124.745.249.367	102.169.661.093

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					Tổng cộng
Số đầu kỳ	9.398.476.002.669	2.839.329.115.878	50.705.246.919	10.010.053.161	12.298.520.418.627
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	30.194.508.300	-	-	30.194.508.300
Số cuối kỳ	9.398.476.002.669	2.869.523.624.178	50.705.246.919	10.010.053.161	12.328.714.926.927
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	454.521.607.854	919.197.285.411	27.028.566.309	3.930.654.144	1.404.678.113.718
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu kỳ	(3.971.707.010.183)	(1.400.086.557.642)	(36.266.602.385)	(4.517.401.368)	(5.412.577.571.578)
Khấu hao	(243.627.430.201)	(49.059.824.265)	(1.435.235.197)	(124.790.178)	(294.247.279.841)
Số cuối kỳ	(4.215.334.440.384)	(1.449.146.381.907)	(37.701.837.582)	(4.642.191.546)	(5.706.824.851.419)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	5.426.768.992.486	1.439.242.558.236	14.438.644.534	5.492.651.793	6.885.942.847.049
Số cuối kỳ	5.183.141.562.285	1.420.377.242.271	13.003.409.337	5.367.861.615	6.621.890.075.508

Nhóm Công ty đã thế chấp một phần tài sản thuộc Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị ghi sổ còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 30.131.747.034 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HDTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh số 14).

Ngoài ra, Nhóm Công ty cũng đã thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum và một phần tài sản khác thuộc Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với tổng giá trị ghi sổ còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 6.366.026.603.640 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn dài hạn của Nhóm Công ty theo các hợp đồng thế chấp số 01/2015/HDTCTS ngày 26 tháng 3 năm 2015 và hợp đồng thế chấp số 01/2017/HDTCTS ngày 27 tháng 12 năm 2017, cùng các Phụ lục sửa đổi, bổ sung liên quan (Thuyết minh số 14).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Khoản mục này phản ánh giá trị ghi sổ thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng thay thế được dùng cho mục đích thay thế và phòng ngừa hư hỏng của tài sản, không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định và dự kiến có thời gian sử dụng trên 12 tháng hoặc vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G	84.420.271.971	84.420.271.971
Công ty Cổ phần Xây dựng 47 ("C47")	25.912.963.783	25.912.963.783
Khác	22.852.855.224	14.638.353.913
TỔNG CỘNG	133.186.090.978	124.971.589.667

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	741.655.152	-	741.655.152
Thuế giá trị gia tăng	10.905.664	5.816.688.956	(5.816.400.137)	11.194.483
TỔNG CỘNG	10.905.664	6.558.344.108	(5.816.400.137)	752.849.635
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.669.820.970	63.078.423.275	(64.782.180.134)	57.966.064.111
Thuế giá trị gia tăng	32.704.241.073	99.551.110.849	(107.418.519.077)	24.836.832.845
Phí dịch vụ môi trường rừng	24.021.485.316	39.006.468.720	(46.236.380.256)	16.791.573.780
Thuế tài nguyên	27.902.943.230	119.406.683.308	(133.259.299.445)	14.050.327.093
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	13.826.575.280	(12.290.869.400)	1.535.705.880
Thuế thu nhập cá nhân	1.389.645.388	6.738.186.232	(8.127.831.620)	-
Thuê đất	-	423.016.817	(423.016.817)	-
TỔNG CỘNG	145.688.135.977	342.030.464.481	(372.538.096.749)	115.180.503.709

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu kỳ (Trình bày lại - Thuyết minh số 25)
Ngắn hạn	1.969.938.830	1.958.704.146
Phải trả thưởng, thù lao HĐQT, BKS	663.712.646	1.809.054.311
Phải trả khác	1.306.226.184	149.649.835
Dài hạn	201.734.197.176	201.734.197.176
Phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng (*)	201.734.197.176	201.734.197.176
TỔNG CỘNG	203.704.136.006	203.692.901.322

(*) Đây là khoản phải trả cho Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong – CR18G (“Tổ hợp nhà thầu”) phát sinh từ việc Nhóm Công ty đã thu tiền từ ngân hàng theo bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tổ hợp nhà thầu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY NGÂN HÀNG

	Số đầu kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Đơn vị tính: VND Số cuối kỳ
Ngắn hạn	111.911.228.853	(48.209.425.988)	209.504.242.234	31.669.978	273.237.715.077
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	111.911.228.853	(48.209.425.988)	209.504.242.234	31.669.978	273.237.715.077
Dài hạn	2.592.985.161.994	(171.233.000.000)	(209.504.242.234)	217.584.518	2.212.465.504.278
Vay ngân hàng	2.592.985.161.994	(171.233.000.000)	(209.504.242.234)	217.584.518	2.212.465.504.278
TỔNG CỘNG	2.704.896.390.847	(219.442.425.988)	-	249.254.496	2.485.703.219.355

Chi tiết các khoản vay từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Hợp đồng	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Bình Định (i)	510.652.000.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2026 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	7,2%-7,9%
	273.820.000.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2027 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	7,2%-7,9%
	429.743.000.000	Số 01/2024/HĐTD với hạn mức 818 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2027 đến ngày 23 tháng 9 năm 2030	7,2%-7,9%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Kon Tum (i)	572.291.000.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2026 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	7,2%-7,9%
	101.228.998.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2030 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	7,2%-7,9%
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai (i)	326.054.000.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2026 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	7,2%-7,9%
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") - Hội Sở (ii)	198.000.000.000	Số 309691224 với hạn mức 440 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2026 đến ngày 26 tháng 8 năm 2028	7,1%-8,4%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY NGÂN HÀNG (tiếp theo)					Hình thức đảm bảo
Tên ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Nguyên tệ (USD)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk – PGD Phú Yên (iii)	73.914.221.355	2.932.405,83	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2026 đến ngày 31 tháng 3 năm 2035	Phi dịch vụ 0,75% và phí quản lý 0,2%	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh. trị giá 30.131.747.034 VND (Thuyết minh số 9)

TỔNG CỘNG	2.485.703.219.355
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	273.237.715.077
Vay dài hạn	2.212.465.504.278

- (i) Những khoản vay được sử dụng để tài trợ cho việc đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA và các phụ lục sửa đổi, bổ sung liên quan được ký kết giữa Nhóm Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV - Chi nhánh Bình Định, Vietcombank - Chi nhánh Kon Tum và Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai. Theo các thỏa thuận tín dụng này, BIDV - Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý quản lý tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum cùng với một phần tài sản cố định hữu hình thuộc Nhà máy Thủy điện Sông Hinh (Thuyết minh số 9).
- (ii) Đây là khoản vay tái cấu trúc đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum được bảo đảm bằng 15.000.000 cổ phiếu của Nhóm Công ty với mã chứng khoán là VSH, thuộc sở hữu Công ty TNHH Năng lượng REE.
- (iii) Khoản vay này có nguồn gốc từ khoản vốn hỗ trợ phát triển chính thức ("ODA") do Quỹ Phát triển Bắc Âu ("NDF") tài trợ cho việc đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh. Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Nhóm Công ty đã tiếp nhận khoản vay này từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam - EVN khi thực hiện cổ phần hoá theo hợp đồng tín dụng số 01/TDNN ký với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk – PGD Phú Yên. Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm. Công ty đã thế chấp một phần tài sản cố định hữu hình của Nhà máy Thủy điện Sông Hinh làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay này (Thuyết minh số 9).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Số đầu kỳ	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.930.581.234.451	4.683.300.432.489
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	434.947.789.216	434.947.789.216
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.532.000.000)	(5.532.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(118.120.623.000)	(118.120.623.000)
Số cuối kỳ	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	2.241.876.400.667	4.994.595.598.705
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026						
Số đầu kỳ	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	2.197.056.075.107	4.949.775.273.145
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	507.392.920.470	507.392.920.470
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(5.532.000.000)	(5.532.000.000)
Cổ tức (*)	-	-	-	-	(354.361.869.000)	(354.361.869.000)
Số cuối kỳ	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	2.344.555.126.577	5.097.274.324.615

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 286/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và đồng thời đã phê duyệt việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2025 với tỉ lệ 35% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 111/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 1 năm 2026 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 433/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 4 năm 2026, Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty đã phê duyệt phương án chi trả cổ tức đợt 3 và đợt 4 năm 2025 bằng tiền mặt lần lượt là 10% và 5% trên mệnh giá cổ phần mỗi đợt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn cổ phần

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>	
	<i>Giá trị</i>		<i>Giá trị</i>	
	<i>VND</i>	<i>% sở hữu</i>	<i>VND</i>	<i>% sở hữu</i>
Công ty TNHH				
Năng lượng REE	1.242.129.780.000	52,58	1.242.129.780.000	52,58
Tổng Công ty Phát điện 3				
- Công ty Cổ phần	721.830.490.000	30,55	721.830.490.000	30,55
Các cổ đông khác	398.452.190.000	16,87	398.452.190.000	16,87
TỔNG CỘNG	2.362.412.460.000	100,00	2.362.412.460.000	100,00

15.3 Cổ phiếu

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
	<i>Số lượng</i>	<i>Số lượng</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	236.241.246	236.241.246
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>236.241.246</i>	<i>236.241.246</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	236.241.246	236.241.246
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>236.241.246</i>	<i>236.241.246</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết. Không hạn chế.

15.4 Cổ tức

	<i>Kỳ này</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Kỳ trước</i>
Cổ tức đã công bố trong kỳ	354.361.869.000	118.120.623.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền trong kỳ	354.361.854.750	236.221.467.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.5 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)	Kỳ trước (Trình bày trước đây)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	507.392.920.470	434.947.789.216	434.947.789.216
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	5.532.000.000	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	507.392.920.470	429.415.789.216	434.947.789.216
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	236.241.246	236.241.246	236.241.246
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.148	1.818	1.841
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.148	1.818	1.841

(*) Lãi dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 286/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026.

Lãi dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 chưa được điều chỉnh khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026 do khoản trích lập này chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	1.194.324.292.074	1.126.191.567.642
Trong đó:		
Doanh thu bán điện	1.021.964.564.766	949.173.825.882
Thuế tài nguyên	119.406.683.308	122.615.800.448
Phí dịch vụ môi trường rừng	39.006.468.720	41.457.475.512
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	13.826.575.280	12.944.465.800
Khác	120.000.000	-

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.001.338.643	9.365.317.773
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.848.622	-
Nhận hoàn trả phí bảo lãnh	-	19.815.087.432
TỔNG CỘNG	18.004.187.265	29.180.405.205

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí khấu hao	294.069.607.931	295.038.849.389
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	172.239.727.308	177.017.741.760
Chi phí nhân viên	35.424.070.174	30.250.783.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.964.804.417	4.852.610.729
Chi phí khác	14.093.204.758	12.467.467.760
TỔNG CỘNG	519.791.414.588	519.627.453.067

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	96.778.595.259	106.531.438.711
Lỗ chênh lệch tỷ giá	249.254.496	2.428.618.455
Phí thanh toán trước hạn	-	205.740.926
TỔNG CỘNG	97.027.849.755	109.165.798.092

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	14.028.890.664	11.897.188.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.789.037.311	7.025.023.468
Chi phí khấu hao	177.671.910	180.804.336
Chi phí khác	5.902.156.523	13.959.118.461
TỔNG CỘNG	24.897.756.408	33.062.134.336

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9)	294.247.279.841	295.219.653.725
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	172.239.727.308	177.017.741.760
Chi phí nhân viên	49.452.960.838	42.147.971.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.753.841.728	13.080.521.920
Chi phí khác	19.995.361.281	25.223.698.498
TỔNG CỘNG	544.689.170.996	552.689.587.403

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2019) và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Đối với dự án Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng thuế suất bằng 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu từ dự án (từ năm 2021 đến năm 2035), miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo trên thu nhập chịu thuế thu được từ dự án đầu tư mới (từ năm 2025 đến năm 2033).

Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	62.966.064.111	51.974.337.956
Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho các kỳ trước	112.359.164	976.257.459
Chi phí thuế TNDN	63.078.423.275	52.950.595.415

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	570.471.343.745	487.898.384.631
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng 20%	45.910.741.889	65.444.847.553
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng 10%	34.091.763.430	-
Điều chỉnh:		
Thuế TNDN được giảm	(17.045.881.715)	(14.258.149.646)
Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho các kỳ trước	112.359.164	976.257.459
Chi phí không được trừ	69.595.203	856.277.719
Lỗi tính thuế chuyển sang năm sau chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	9.648.774	1.165.800
Khác	(69.803.470)	(69.803.470)
Chi phí thuế TNDN	63.078.423.275	52.950.595.415

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

21.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng hàng tồn kho	518.657.708	518.657.708	-	-
Khác	622.979.302	622.979.302	-	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.141.637.010	1.141.637.010		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan bao gồm các công ty con, các công ty trong cùng tập đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh ("Tập đoàn") và các bên liên quan khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên HĐQT
Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng BKS
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên BKS
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên BKS
	từ ngày 26 tháng 3 năm 2026
Bà Vũ Thị Thanh Hải	Thành viên BKS
	đến ngày 26 tháng 3 năm 2026
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Đàm	Phó Tổng Giám đốc
	đến ngày 1 tháng 4 năm 2026
Bà Phan Thị Thanh Thúy	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc Chi nhánh
Ông Nguyễn Văn Tâm	Quyền Giám đốc Chi nhánh
	từ ngày 1 tháng 4 năm 2026
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phát Điện 3 – CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn với cổ đông lớn
	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	
Công ty TNHH Bất động sản REE	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Nước sạch REE	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần GE Tây Nguyên	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	1.194.204.292.074	1.126.191.567.642
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức đã thanh toán	186.319.467.000	62.106.489.000
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP	Cổ đông lớn	Cổ tức đã thanh toán	108.274.573.500	36.091.524.500
Công ty Cổ phần GE Tây Nguyên	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	120.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	389.823.327.910	671.821.459.981
Công ty Cổ phần GE Tây Nguyên	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ	129.600.000	108.000.000
			389.952.927.910	671.929.459.981
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn với cổ đông lớn	Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.535.705.880	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các cam kết khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, 15.000.000 cổ phiếu của Công ty (mã cổ phiếu: VSH) thuộc sở hữu của Công ty TNHH Năng lượng R.E.E, công ty mẹ, được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở (Thuyết minh 14).

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các nhân viên quản lý chủ chốt:

		Đơn vị tính: VND	
	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		3.437.169.558	3.260.659.032
Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	890.889.663	785.037.812
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	813.363.048	715.410.250
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	150.783.069	144.843.990
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	150.783.069	144.843.990
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	150.783.069	42.421.995
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT đến ngày 21 tháng 3 năm 2025	-	102.421.995
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc	512.227.056	441.892.500
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	512.227.056	441.892.500
Ông Trần Công Đàm	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 4 năm 2026	256.113.528	441.894.000
Thù lao của Ban Kiểm soát		236.035.980	220.594.374
Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng BKS	90.783.069	84.843.990
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên BKS	72.626.455	67.875.192
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên BKS từ ngày 26 tháng 3 năm 2026	36.313.228	33.937.596
Bà Vũ Thị Thanh Hải	Thành viên BKS đến ngày 26 tháng 3 năm 2026	36.313.228	33.937.596
TỔNG CỘNG		3.673.205.538	3.481.253.406

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong kỳ của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty bán ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

24. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Vụ kiện

Công ty C47 khởi kiện Công ty tại Tòa án Nhân dân Khu vực 1, tỉnh Gia Lai

Vào ngày 26 tháng 9 năm 2025, Công ty C47 đã nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án Nhân dân Khu vực 1, tỉnh Gia Lai, yêu cầu Công ty thanh toán các khoản công nợ còn tồn đọng theo Hợp đồng số 653/2016/HĐ-VSH-LD ("Hợp đồng 653") ký ngày 25 tháng 5 năm 2016, bao gồm số tiền nợ gốc là 35,1 tỷ VND và lãi chậm thanh toán là 13,8 tỷ VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản phải trả cho Công ty C47 với giá trị 25.912.963.783 VND (Thuyết minh số 11), tương ứng với số dư nợ gốc còn phải thanh toán theo ghi nhận của Nhóm Công ty.

Ban Tổng giám đốc đang thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm việc rà soát hồ sơ, cung cấp tài liệu liên quan, làm việc với các bên liên quan và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhóm Công ty.

Trên cơ sở đánh giá hiện tại của Ban Tổng Giám đốc và các thông tin pháp lý có liên quan, Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng phát sinh tổn thất thêm ngoài số dư khoản phải trả đã được Nhóm Công ty ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ là không cao. Theo đó, Nhóm Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản lãi chậm thanh toán, chi phí tố tụng và các chi phí pháp lý liên quan khác.

Do tồn tại những yếu tố không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện, Ban Tổng giám đốc đã trình bày vụ việc này như một khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Chi phí hoàn nguyên

Nhóm Công ty thuê đất của Nhà nước để xây dựng và phát triển các dự án thủy điện. Theo các hợp đồng thuê đất và các quy định pháp luật hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải thực hiện việc tháo dỡ, di dời, khôi phục hoặc xử lý các tài sản gắn liền với đất khi chấm dứt hoặc hết thời hạn thuê đất.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá phạm vi công việc cần thực hiện, bao gồm khả năng tháo dỡ, di dời và hoàn nguyên mặt bằng, cũng như thời điểm thực hiện và các giả định chi phí liên quan.

Do tồn tại những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến phạm vi công việc cần thực hiện, yêu cầu kỹ thuật, các phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thời điểm thực hiện nghĩa vụ và khả năng thu thập các ước tính chi phí đáng tin cậy theo điều kiện thị trường hiện hành, giá trị nghĩa vụ này chưa thể được xác định một cách đáng tin cậy tại thời điểm hiện tại.

Theo đó, Nhóm Công ty chưa ghi nhận dự phòng cho nghĩa vụ hoàn nguyên trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này mà trình bày nghĩa vụ trên như một khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (Thuyết minh số 3.1) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Số đầu kỳ		
	Đã được trình bày trước đây	Phân loại lại	Được trình bày lại
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ			
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Các khoản tương đương tiền	64.500.000.000	261.890.411	64.761.890.411
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	397.346.000.000	8.117.151.561	405.463.151.561
Phải thu ngắn hạn khác	8.609.645.936	(8.379.041.972)	230.603.964
NỢ PHẢI TRẢ			
Phải trả cổ tức	-	141.681.700	141.681.700
Phải trả ngắn hạn khác	2.100.385.846	(141.681.700)	1.958.704.146
	Kỳ trước		
	Đã được trình bày trước đây	Phân loại lại	Được trình bày lại
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lãi từ hoạt động đầu tư	(9.365.317.773)	8.799.871.198	(565.446.575)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	882.626.983.947	8.799.871.198	891.426.855.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	565.137.982.195	8.799.871.198	573.937.853.393
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu lãi tiền gửi	8.823.581.609	(7.185.581.609)	1.638.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	24.394.428.800	(7.185.581.609)	17.208.847.191
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	110.058.992.731	1.614.289.589	111.673.282.320
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	368.164.660.113	791.616.987	368.956.277.100
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	478.223.652.844	2.405.906.576	480.629.559.420

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2026, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 744/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án tạm ứng 15% cổ tức năm 2026 bằng tiền cho cổ đông, theo đó 1 cổ phiếu được nhận 1.500 VND. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục để tiến hành thanh toán khoản tạm ứng cổ tức.

Ngoài sự kiện được trình bày ở trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Phê duyệt, ngày 17 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**


Lê Thị Hải Yến
Phan Thị Thanh Thúy

Nguyễn Văn Thanh



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn